

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

*Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Tên gói thầu: Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2026;

- Địa điểm: Bệnh viện II Lâm Đồng, số 263 Trần Quốc Toản, phường B’Lao, tỉnh Lâm Đồng;

- Tên bên mời thầu: Bệnh viện II Lâm Đồng;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng;

- Quy mô gói thầu: Gói thầu mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2026 gồm có 414 danh mục tài sản với tổng giá trị của các tài sản là **447.428.637.107** đồng;

- Hình thức chọn thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;

- Nguồn vốn: Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện II Lâm Đồng.

#### **2. Mục tiêu công việc:**

Mua Bảo hiểm cháy, nổ cho có 414 danh mục tài sản của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2025 tại địa chỉ số 263 Trần Quốc Toản - phường B’Lao – thành phố Bảo Lộc- tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị của các tài sản là **447.428.637.107** đồng. Danh mục cụ thể:

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Số lượng	Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)
1	Máy bơm tiêm điện (2020)	CCUU-BTD20-1	1	10.608.333
2	Máy bơm tiêm điện (2020)	CCUU-BTD20-2	1	10.608.333
3	Máy đo điện tim (2024)	CCUU-MAYDT24	1	13.577.142
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2020)	CCUU-MONITO20	1	56.212.000
5	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	CCUU-MAYTH21-1	1	58.500.000
6	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	CCUU-MAYTH21-2	1	58.500.000
7	Máy thở xách tay kèm van peep, 2 bộ dây (2020)	CCUU-MAYTXT20	1	101.209.680
8	Máy thở xâm nhập Eliciae MV20 (2020)	CCUU-MTHO20-1	1	80.000.000
9	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	CCUU-MTHO20-3	1	35.333.333
10	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	CCUU-MONIT21	1	29.025.000
11	Monitor theo dõi bệnh nhân (2022)	CCUU-MONT22	1	34.328.000
12	Hệ thống Camera (2024)	CĐHA-HTCMR24	1	12.918.000
13	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT-Scanner 64 dãy (2024)	CDHA-HETHONGCT24	1	16.933.466.615
14	Hệ thống nhận ảnh X Quang kỹ thuật số trực tiếp DP (2020)	CĐHA-HTNA20	1	266.666.666
15	Hệ thống siêu âm Doppler màu (2020)	CĐHA-HTSAM20	1	223.291.666
16	Hệ thống siêu âm màu (2020)	CĐHA-HTSA20	1	1.590.044.061
17	Hệ thống X-quang di động kỹ thuật số (2020)	CĐHA-HTXQ20	1	529.866.666
18	Máy siêu âm màu tổng quát (2025)	CDHAMAYSA25	1	1.267.000.000
19	Dịch vụ nhân bản phần mềm xử lý ảnh X-quang từ hệ thống X-quang di động (2023)	CĐHA-NBPM23	1	39.600.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
20	Bộ máy tính văn phòng (2025)	DUOCMAYT25	1	10.800.000
21	Tủ bảo quản mẫu (2023)	DUOC-TUBQM23	1	73.300.000
22	Tủ mát Sanaky 2 cánh 1200 lít (2021)	DUOC-TUMAT21	1	11.830.500
23	Máy lạnh DAIKIN inverter 2HP (2022)	DUOC-MAYL22	1	19.950.020
24	Bộ đặt nội khí quản có camera (2022)	HSCC-BOKQ22	1	56.149.391
25	Bơm tiêm điện (2022)	HSCC-BOMTD22-1	1	17.772.106
26	Bơm tiêm điện (2022)	HSCC-BOMTD22-2	1	17.772.106
27	Bơm tiêm điện (2022)	HSCC-BOMTD22-3	1	17.772.106
28	Bơm tiêm điện (2022)	HSCC-BOMTD22-4	1	17.772.106
29	Bơm tiêm điện (2022)	HSCC-BOMTD22-5	1	17.772.106
30	Giường y tế điều khiển điện (2019)	HSCC-GYTDK19	1	16.696.894
31	Hệ thống ECMO (2022)	HSCC-ECMO22	1	2.413.798.078
32	Hệ thống nội soi phế quản (2020)	TMH-HTNSPQ20	1	674.960.000
33	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-1	1	10.608.333
34	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-10	1	10.608.333
35	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-2	1	10.608.333
36	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-3	1	10.608.333
37	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-4	1	10.608.333
38	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-5	1	10.608.333
39	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-6	1	10.608.333
40	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-7	1	10.608.333
41	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-8	1	10.608.333
42	Máy bơm tiêm điện (2020)	HSCC-BTD20-9	1	10.608.333

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
43	Máy đo khí máu (2020)	HSCC-MAYKM20	1	192.000.000
44	Máy giúp thở đa năng (2021)	HSCC-MAYGT21	1	225.000.000
45	Máy lọc máu liên tục (2020)	HSCC-MLMAU20	1	455.260.000
46	Máy lọc máu liên tục (2020)	HSCC-MAYLM20	1	555.407.542
47	Máy lọc và khử khuẩn không khí (2020)	HSCC-MAYL20-1	1	77.000.000
48	Máy lọc và khử khuẩn không khí (2020)	HSCC-MAYL20-2	1	77.000.000
49	Máy lọc và khử khuẩn không khí (2020)	HSCC-MAYL20-3	1	77.000.000
50	Máy lọc và khử khuẩn không khí (2022)	HSCC-MAYL22	1	67.697.847
51	Máy tạo Oxy lưu lượng cao qua mũi (2021)	HSCC-MAYOXY21	1	44.550.000
52	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2020)	HSCC-MONITO20	1	56.212.000
53	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2021)	HSCC-MAYTD21-1	1	66.150.000
54	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2021)	HSCC-MAYTD21-2	1	66.150.000
55	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2021)	HSCC-MAYTD21-3	1	66.150.000
56	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	HSCC-MAYTD22-1	1	93.013.429
57	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	HSCC-MAYTD22-2	1	93.013.429
58	Máy thở chức năng cao (2022)	HSCC-MTHO22-1	1	469.902.711
59	Máy thở chức năng cao (2022)	HSCC-MTHO22-2	1	469.902.711
60	Máy thở chức năng cao có công cụ thở Oxy dòng cao (2021)	HSCC-MTCNC21-1	1	315.000.000
61	Máy thở chức năng cao có công cụ thở Oxy dòng cao (2021)	HSCC-MTCNC21-2	1	315.000.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
62	Máy thở chức năng cao có công cụ thở Oxy dòng cao (2021)	HSCC-MTCNC21-3	1	315.000.000
63	Máy thở chức năng cao có công cụ thở Oxy dòng cao (2021)	HSCC-MTCNC21-4	1	315.000.000
64	Máy thở chức năng cao dạng xe đẩy (2020)	HSCC-MAYT20-1	1	299.520.000
65	Máy thở chức năng cao dạng xe đẩy (2020)	HSCC-MAYT20-2	1	299.520.000
66	Máy thở chức năng cao Elisa 300 (2022)	HSCC-MAYE22-1	1	218.120.000
67	Máy thở chức năng cao Elisa 300 (2022)	HSCC-MAYE22-2	1	218.120.000
68	Máy thở chức năng cao Elisa 300 (2022)	HSCC-MAYE22-3	1	218.120.000
69	Máy thở chức năng cao Elisa 300 (2022)	HSCC-MAYE22-4	1	218.120.000
70	Máy thở chức năng cao Evita V300 (2022)	HSCC-MAYT22	1	336.000.000
71	Máy thở chức năng cao Evita V600 (2022)	HSCC-MAYT22-1	1	380.800.000
72	Máy thở chức năng cao Evita V600 (2022)	HSCC-MAYT22-2	1	380.800.000
73	Máy thở đa năng cao cấp cho người lớn - trẻ em - trẻ sơ sinh (2021)	HSCC-MAYTH21	1	247.500.000
74	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-1	1	58.500.000
75	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-2	1	58.500.000
76	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-3	1	58.500.000
77	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-4	1	58.500.000
78	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-5	1	58.500.000
79	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	HSCC-MAYTH21-6	1	58.500.000
80	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NHI-MAYTH21-1	1	58.500.000
81	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NHI-MAYTH21-2	1	58.500.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
82	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây (2022)	VTTB-MTHO22	1	292.978.083
83	Máy thở xâm nhập Eliciae MV20 (2020)	HSCC-MTHO20-1	1	80.000.000
84	Máy thở xâm nhập Eliciae MV20 (2020)	HSCC-MTHO20-2	1	80.000.000
85	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HSCC-MTHO20-3	1	35.333.333
86	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HSCC-MTHO20-4	1	35.333.333
87	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HSCC-MTHO20-5	1	35.333.333
88	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HSCC-MTHO20-6	1	35.333.333
89	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HSCC-MTHO20-7	1	35.333.333
90	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-1	1	50.000.000
91	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-2	1	50.000.000
92	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-3	1	50.000.000
93	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-4	1	50.000.000
94	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-5	1	50.000.000
95	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-6	1	50.000.000
96	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HSCC-MONT20-7	1	50.000.000
97	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	HSCC-MONT21	1	11.250.000
98	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (2025)	HSMONITOR25.1	1	146.125.000
99	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (2025)	HSMONITOR25.2	1	146.125.000
100	Ngõ khí y tế phòng hồi sức tích cực (2023)	HSCC-NGOKYT23	1	146.522.433

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
101	Lắp đặt ngõ ra khí y tế phòng hồi sức áp lực âm (2022)	VTTB-NGORKYT22	1	59.753.300
102	Máy giặt công nghiệp 36kg (2020)	KSNK-MAYGCN20	1	206.264.212
103	Máy hấp tiệt trùng (2020)	KSNK-MAYH20	1	209.766.150
104	Máy hấp tiệt trùng (2025)	KSNKMAYH25	1	951.825.000
105	Máy phun dung dịch khử khuẩn (2022)	VTTB-MAYPH22	1	84.195.643
106	Máy sấy (DRYER) WHIRLPOOL máy sấy Vent 15KG/trắng (2024)	KSNK-MAYSAY24	1	13.878.000
107	Nồi hấp tiệt trùng (2020)	KSNK-NOIHAP20	1	18.003.333
108	Tủ OZONE (2019)	KSNK-TUOZ19	1	15.840.000
109	Tủ sấy nhiệt độ thấp 2 cửa (2024)	KSNK-TUSAY24	1	75.522.857
110	Nồi hấp tiệt trùng nhanh (2021)	MAT-NOIHAP21	1	39.270.000
111	Máy đo giác mạc khúc xạ tự động (2022)	MAT-MAYGM22	1	167.874.000
112	Bàn mổ điện (2020)	HPHAU-BANMO20-1	1	170.894.628
113	Bàn mổ điện (2020)	HPHAU-BANMO20-2	1	170.894.628
114	Bàn mổ điện đa năng (2024)	HP-BANMO24	1	446.657.142
115	Dao mổ điện cao tần (2020)	HPHAU-DAOMO20-1	1	32.000.000
116	Dao mổ điện cao tần (2020)	HPHAU-DAOMO20-2	1	32.000.000
117	Đèn mổ treo trần (2020)	HPHAU-DENM20-1	1	148.776.400
118	Đèn mổ treo trần (2020)	HPHAU-DENM20-2	1	137.976.400
119	Đèn mổ treo trần (2020)	HPHAU-DENM20-3	1	137.976.400
120	Đèn mổ treo trần (2020)	HPHAU-DENM20-4	1	137.976.400

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
121	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể (2020)	HPHAU-HTTS20	1	3.077.854.273
122	Máy C.arm (2020)	HPHAU-MAYCA20	1	1.904.704.676
123	Máy gây mê giúp thở (2020)	HPHAU-MAYGM20	1	279.804.934
124	Máy gây mê giúp thở (2020)	HPHAU-MAYGME20	1	266.000.000
125	Máy phun dung dịch khử khuẩn (2022)	HPHAU-MAYPH22	1	84.195.643
126	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HPHAU-MONT20-1	1	50.000.000
127	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HPHAU-MONT20-2	1	50.000.000
128	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (2024)	HP-MAYTDBN24-1	1	115.714.285
129	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (2024)	HP-MAYTDBN24-2	1	115.714.285
130	Đèn mổ di động (2023)	NGOAITH-DENM23	1	13.233.333
131	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-3	1	16.713.972
132	Bộ máy tính văn phòng (2025)	NGOAITKMAYT25	1	10.800.000
133	Bàn bó bột và tạ (2025)	NGOAIBANBO25	1	11.812.500
134	Cửa cắt bột dùng điện (2025)	NGOAITKCUA25	1	17.456.250
135	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	NGOAITK-MAYTD22	1	93.013.429
136	Bơm tiêm điện (2022)	NGOAITQ-BOMTD22-1	1	17.772.106
137	Bơm tiêm điện (2022)	NGOAITQ-BOMTD22-2	1	17.772.106
138	Bơm tiêm điện (2022)	NGOAITQ-BOMTD22-3	1	17.772.106
139	Bơm tiêm điện (2022)	NGOAITQ-BOMTD22-4	1	17.772.106
140	Bơm tiêm điện (2022)	VTTB-BOMTD22-4	1	17.772.106

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
141	Bơm tiêm điện (2022)	VTTB-BOMTD22-5	1	17.772.106
142	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	NGOAITQ-MONITOR22	1	25.872.000
143	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2021)	NGOAITQ-MAYTD21	1	20.790.000
144	Máy truyền dịch (2022)	NGOAITQ-MAYT22	1	16.713.972
145	Bơm tiêm điện (2022)	NHI-BOMTD22	1	17.772.106
146	Máy bơm tiêm điện (2020)	NHI-BTD20	1	10.608.333
147	Máy monitor theo dõi bệnh nhân (2023)	THAN-MONITOR23	1	15.748.238
148	Máy thở NCPAP - Bộ trộn khí (2024)	NHI-MAYTHO24	1	87.171.428
149	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NHI-MAYTH21-3	1	58.500.000
150	Máy truyền dịch (2022)	NHI-MAYT22	1	16.713.972
151	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh ánh sáng lạnh LED (2024)	NHISS-BONKQ24	1	10.699.714
152	Bơm tiêm điện (2022)	VTTB-BOMTD22-2	1	17.772.106
153	Bơm tiêm điện (2022)	VTTB-BOMTD22-3	1	17.772.106
154	Đèn chiếu vàng da (2025)	NHISSDENVD25	1	28.875.000
155	Đèn chiếu vàng da di động hai mặt (2023)	NHISS-DENVD2	1	24.000.000
156	Đèn chiếu vàng da một mặt (2023)	NHISS-DENVD1	1	22.400.000
157	Đèn điều trị vàng da (2021)	NHISS-DENVD1-21	1	15.120.000
158	Đèn điều trị vàng da (2021)	NHISS-DENVD2-21	1	15.120.000
159	Đèn điều trị vàng da (2022)	NHISS-DENVD22-1	1	18.816.000
160	Đèn điều trị vàng da (2022)	NHISS-DENVD22-2	1	18.816.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
161	Đèn điều trị vàng da sơ sinh ( 2024)	NHISS-DENVD24	1	25.842.857
162	Đèn soi chích ven trẻ sơ sinh (2023)	NHISS-DENSV23	1	30.800.000
163	Máy bơm tiêm điện (2020)	NHISS-BTD20-1	1	10.608.333
164	Máy bơm tiêm điện (2020)	NHISS-BTD20-2	1	10.608.333
165	Máy bơm tiêm điện (2020)	NHISS-BTD20-3	1	10.608.333
166	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-1	1	18.488.907
167	Máy monitor theo dõi bệnh nhân (2023)	NHISS-MONITOR23	1	15.748.238
168	Máy sưởi ấm trẻ sơ sinh (2022)	NHISS-MAYSA22	1	82.320.000
169	Máy thở đa năng cao cấp cho người lớn - trẻ em - trẻ sơ sinh (2021)	NHISS-MAYTH21	1	247.500.000
170	Bơm tiêm điện (2022)	FO-BOMTD22-1	1	17.772.106
171	Bơm tiêm điện (2022)	FO-BOMTD22-2	1	17.772.106
172	Máy điện tim 6 cần ( 2020)	NOITM-MAYDT20	1	30.056.206
173	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	NHIEM-MHD20	1	10.890.960
174	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	VTTB-MHD20-1	1	10.890.960
175	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	VTTB-MHD20-2	1	10.890.960
176	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	VTTB-MHD20-3	1	10.890.960
177	Máy hút đờm (2022)	FO-MAYHD22	1	18.488.907
178	Máy hút khói (2024)	NHIEM-MAYHK24	1	29.160.000
179	Máy Laser CO2 (2021)	NHIEM-MAYLS21	1	186.750.000
180	Máy lọc và khử khuẩn không khí (2020)	NHIEM-MAYL20	1	77.000.000
181	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	FO-MAYTD22	1	93.013.429

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
182	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	KHUDC-MAYTH21-1	1	58.500.000
183	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	KHUDC-MAYTH21-2	1	58.500.000
184	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2021)	NHIEM-MAYT21-3	1	47.700.000
185	Máy truyền dịch (2022)	FO-MAYT22	1	16.713.972
186	Bộ máy tính văn phòng (2025)	NOITMMAY25	1	10.800.000
187	Bơm tiêm điện (2022)	NOITM-BOMTD22	1	17.772.106
188	Máy monitor theo dõi bệnh nhân (2023)	NOITM-MONITOR23	1	15.748.238
189	Máy sốc điện phá rung (2020)	NOITM-MAYSD20	1	64.624.333
190	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITM-MAYTH21-1	1	58.500.000
191	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITM-MAYTH21-2	1	58.500.000
192	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2021)	NOITM-MAYT21	1	47.700.000
193	Bộ máy tính văn phòng (2025)	NOITQMAYT25	1	10.800.000
194	Bơm tiêm điện (2022)	NOITQ-BOMTD22	1	17.772.106
195	Máy bơm tiêm điện (2020)	NOITQ-BTD20	1	10.608.333
196	Máy điện tim 6 kênh (2022)	NOITQ-MAYDT22	1	39.253.373
197	Máy hút đờm (2022)	NOITQ-MAYHD22	1	18.488.907
198	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	NOITQ-MAYTD22	1	93.013.429
199	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITQ-MAYTH21-1	1	58.500.000
200	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITQ-MAYTH21-2	1	58.500.000
201	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITQ-MAYTH21-3	1	58.500.000
202	Máy truyền dịch (2022)	NOITQ-MAYT22	1	16.713.972
203	Máy xông khí dung siêu âm (2023)	NOITQ-MAYKD23	1	12.600.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
204	Máy xông khí dung siêu âm (2025)	NOITQMAYX25	1	16.625.000
205	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	KHUDC-MONT21	1	11.250.000
206	Monitor theo dõi bệnh nhân (2022)	NOITQ-MONT22	1	34.328.000
207	Bộ dụng cụ tháo vít chỉnh hình (2024)	HP-BODCTV24	1	21.060.000
208	Bộ tháo đinh nội tủy đa năng ( 2021)	HPHAU-BOTDNT21	1	12.600.000
209	Máy bơm tiêm điện (2020)	HPHAU-BTD20-1	1	10.608.333
210	Máy bơm tiêm điện (2020)	HPHAU-BTD20-2	1	10.608.333
211	Máy bơm tiêm điện (2020)	HPHAU-BTD20-3	1	10.608.333
212	Máy gây mê kèm thở (2025)	HPMAYGM25	1	1.006.250.000
213	Máy khoan xương (2023)	HP-MAYKX23	1	24.500.000
214	Máy khoan xương (2024)	HP-MAYKX24	1	28.350.000
215	Máy khoan xương (2025)	HPMAYKX25	1	30.548.437
216	Máy khoan xương y tế (2021)	HPHAU-MAYKX21	1	14.883.750
217	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	HPHAU-MAYTD22-1	1	93.013.429
218	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	HPHAU-MAYTD22-2	1	93.013.429

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
219	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	HPHAU-MAYTD22-3	1	93.013.429
220	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	PTGMHS-MAYTH21	1	58.500.000
221	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HPHAU-MTHO20-1	1	35.333.333
222	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HPHAU-MTHO20-2	1	35.333.333
223	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	HPHAU-MTHO20-3	1	35.333.333
224	Monitor theo dõi bệnh nhân (2020)	HPHAU-MONT20-3	1	50.000.000
225	Máy đốt điện cầm máu (2024)	RHM-MAYDD24	1	15.135.428
226	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	VTTB-MHD20-4	1	10.890.960
227	Bàn đỡ thủy lực ( Bàn sản khoa thủy lực) (2019)	SAN-BAND19	1	13.300.000
228	Bàn đỡ để điều khiển bằng điện, thủy lực (2020)	SAN-BANDD20	1	106.666.666
229	Bơm tiêm điện (2022)	SAN-BOMTD22	1	17.772.106
230	Bồn tắm trẻ sơ sinh BIS 4-2 (2019)	SAN-BONT19	1	18.488.000
231	Bồn tắm trẻ sơ sinh tự động 1 vòi (2019)	SAN-BONTSS19	1	18.480.000
232	Máy điện tim 3 cần (2024)	SAN-MAYDT24	1	14.348.571
233	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm (2025)	SANMAYD25.1	1	36.750.000
234	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm (2025)	SANMAYD25.2	1	36.750.000
235	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm (2025)	SANMAYD25.3	1	36.750.000
236	Máy Doppler tim thai (2018)	SAN-MAYDL18-02	1	12.900.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
237	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	SAN-MHD20-1	1	10.890.960
238	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	SAN-MHD20-2	1	10.890.960
239	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	SAN-MAYTD22	1	93.013.429
240	Máy theo dõi sản khoa (2020)	SAN-MAYSK20-1	1	10.150.000
241	Máy theo dõi sản khoa (2020)	SAN-MAYSK20-2	1	10.150.000
242	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	SAN-MONT21	1	11.250.000
243	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	KHUF0-MONT21	1	11.250.000
244	Tủ mát SANAKY (2025)	THANTUMAT25	1	19.600.000
245	Tủ gỗ mặt đá (2019)	THAN-TUMD19	1	22.140.000
246	Bộ phận rửa màng lọc bán tự động (2020)	THAN-BPRML20	1	56.666.666
247	Hệ thống lọc nước RO (2019)	THAN-HTRO19	1	92.407.880
248	Máy chạy thận nhân tạo (2020)	THAN-MAYCT20-8	1	203.656.456
249	Máy chạy thận nhân tạo (2020)	THAN-MAYCT20-9	1	192.256.456
250	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYTH21-1	1	176.625.000
251	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYTH21-2	1	176.625.000
252	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYCT21-1	1	178.203.375
253	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYCT21-2	1	178.203.375
254	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYCT21-3	1	178.203.375
255	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYCT21-4	1	178.203.375
256	Máy chạy thận nhân tạo (2021)	THAN-MAYTHAN21	1	203.667.750
257	Máy chạy thận nhân tạo (2022)	THAN-MAYCT22	1	168.000.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
258	Máy chạy thận nhân tạo (2022)	THAN-MAYCT22-1	1	168.000.000
259	Máy chạy thận nhân tạo (2022)	THAN-MAYCT22-2	1	168.000.000
260	Máy chạy thận nhân tạo (2022)	THAN-MAYT22	1	140.000.000
261	Máy chạy thận nhân tạo (2023)	THAN-MAYCT23	1	286.666.666
262	Máy chạy thận nhân tạo (2023)	THAN-MAYCT23-1	1	200.000.000
263	Máy chạy thận nhân tạo (2023)	THAN-MAYCT23-2	1	200.000.000
264	Máy chạy thận nhân tạo (2023)	THAN-MAYCT23-3	1	200.000.000
265	Máy chạy thận nhân tạo (2024)	THAN-MAYCT24.1	1	231.428.571
266	Máy chạy thận nhân tạo (2024)	THAN-MAYCT24.2	1	231.428.571
267	Máy chạy thận nhân tạo Braun ( 2020)	THAN-MAYCT20-2	1	28.236.176
268	Máy chạy thận nhân tạo Braun ( 2020)	THAN-MAYCT20-3	1	63.901.357
269	Máy chạy thận nhân tạo Braun ( 2020)	THAN-MAYCT20-4	1	63.901.357
270	Máy chạy thận nhân tạo Braun (2020)	THAN-MAYCT20-1	1	28.236.176
271	Máy chạy thận nhân tạo Braun (2020)	THAN-MAYCT20-5	1	140.000.000
272	Máy chạy thận nhân tạo Braun (2020)	THAN-MAYCT20-6	1	140.000.000
273	Máy chạy thận nhân tạo Braun (2020)	THAN-MAYCT20-7	1	126.666.666
274	Máy HDF Online (2020)	THAN-HDF20	1	384.162.718
275	Máy thận nhân tạo (2024)	THAN-MAYCT24-1	1	277.714.285
276	Máy thận nhân tạo (2024)	THAN-MAYCT24-2	1	277.714.285
277	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2020)	NHIEM-MONITO20	1	56.212.000
278	Monitor theo dõi bệnh nhân (2021)	THAN-MONIT21	1	29.025.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
279	Monitor theo dõi bệnh nhân (2022)	THAN-MONT22	1	34.328.000
280	Máy lọc nước RO mini (2021)	KHUF0-MAYRO21	1	68.722.500
281	Bộ lưu điện cho máy Gene Xpert 6KVA (2024)	XN-BOLD24	1	22.410.000
282	Máy điều hòa nhiệt độ cho máy Gene Xpert 1800BTU(2024)	XN-DHND24	1	10.125.000
283	Tủ mát SANAKY (2025)	XNTUMAU25	1	12.400.000
284	BLOCK nhiệt khô (2021)	XN-BLOCK21	1	14.985.000
285	Hệ thống tách chiết DNA/RNA tự động (2021)	XN-HTTCDNA21	1	594.000.000
286	Hệ thống xét nghiệm sàng lọc máu bằng sinh học phân tử (2024)	XN-HETHONGXN24	1	7.272.784.515
287	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn ( máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động) GeneXpert (2024)	XN-MAYDD24	1	252.334.737
288	Máy hàn dây túi máu (2023)	XN-MAYHAN23	1	50.400.000
289	Máy lọc nước bán công nghiệp 80 lít /h (2024)	XN-MAYLN24	1	13.746.857
290	Máy ly tâm lạnh (2021)	XETN-MAYLT21	1	59.580.000
291	Máy ly tâm ống nghiệm 28 ống (2025)	XNMAYLT25	1	69.562.500
292	Máy ly tâm tốc độ cao (2021)	XN-MAYLT21	1	31.500.000
293	Máy phân tích huyết học tự động (2022)	XN-MAYHU22	1	217.840.000
294	Máy phân tích huyết học tự động hoàn toàn (2022)	XN-MAYHH22	1	315.000.000
295	Máy REAL-TIME PCR nguyên khối (2021)	XN-MAYRE21	1	445.500.000
296	Máy xét nghiệm đông máu tự động (2023)	XN-MAYDM23	1	431.962.962

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Số lượng	Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)
297	Máy xét nghiệm HBA1C sắc ký lỏng cao áp (2022)	XN-MAYXN22	1	176.400.000
298	Máy xét nghiệm miễn dịch (2023)	XN-MAYMD23	1	527.500.000
299	Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động (2023)	XN-MAYNT23	1	57.870.370
300	Máy xét nghiệm sinh hóa hoàn toàn tự động bao gồm điện giải (2023)	XN-MAYSH23	1	832.148.147
301	Nồi hấp tiệt trùng 50 lít (2021)	XN-NOIHAP21	1	35.775.000
302	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (2021)	XN-TUATSH21	1	148.320.000
303	Tủ lạnh âm sâu (2021)	XN-TLASAU21	1	125.730.000
304	Tủ lạnh bảo quản vacxin ở nhiệt độ âm sâu (2022)	DUOC-TULANH22	1	124.844.752
305	Máy điện châm 12 kênh không dùng kim (2022)	DONGY-MAYDC22	1	67.200.000
306	Máy điện châm không kim -Máy Laser điều trị (2021)	DONGY-MAYDC21	1	70.920.000
307	Máy kết hợp điện với siêu âm (2023)	DONGY-MAYSA23	1	120.000.000
308	Máy kích thích điện hai kênh độc lập (2019)	YHCT-MAYKT19	1	19.800.000
309	Máy trị liệu sóng ngắn (2021)	DONGY-MAYTL21	1	162.000.000
310	Hội trường (2024)	HCQT-HOITRUONG	1	13.396.852.477
311	Khoa lao, bệnh nhiệt đới (2022)	HCQT-KHOALAO	1	11.105.700.212
312	Khối nhà hành chính	HCQT-KHCHINH	1	58.002.792.830
313	Khối nhà nghiệp vụ	HCQT-KNVU	1	109.147.347.145
314	Khối nhà nội trú 1	HCQT-KNTRU1	1	33.057.011.172
315	Khối nhà nội trú 2	HCQT-KNTRU2	1	37.155.980.429
316	Khối nhà nội trú 3	HCQT-KNTRU3	1	40.332.278.215

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
317	Khối nhà nội trú 4	HCQT-KNTRU4	1	42.179.157.231
318	Nhà để xe cấp cứu (2022)	HCQT-NHAXECC	1	510.957.403
319	Nhà để xe nhân viên (2022)	HCQT-NHAXENV	1	3.125.537.310
320	Nhà tang lễ, nhà xác (2022)	HCQT-NHATLNX	1	951.250.482
321	Bếp ăn từ thiện và nhà chờ cho bệnh nhân chạy thận (2023)	HCQT_BEPTT	1	1.221.408.480
322	Cửa hàng tiện ích (2020)	HCQT-CHANG-20	1	198.307.567
323	Phòng điều trị cách ly áp lực âm (2024)	HCQT-PHONGALACL	1	1.121.195.863
324	Phòng hồi sức tích cực áp lực âm (2024)	HCQT-PHONGALAHS	1	2.482.706.876
325	Phòng mổ áp lực âm (2024)	HCQT-PHONGAPLUCAM	1	2.722.504.451
326	Điện tổng thể	HCQT-ĐTTHE	1	2.675.906.139
327	Hệ thống điều hòa không khí	HCQT-HTDHKK	1	3.876.005.227
328	Hệ thống khí y tế	HCQT-HTKYT	1	5.060.525.431
329	Hệ thống PCCC	HCQT-HPPCCC	1	1.047.199.828
330	Hệ thống xử lý chất thải (2019)	HCQT-HTXLNT	1	4.063.178.147
331	Vật tư, phụ kiện, chi phí lắp đặt trạm biến áp 3 pha	HCQT-CPTBA	1	194.029.191
332	Xử lý nước thải	HCQT-XLNTHAI	1	762.684.043
333	Bộ máy tính văn phòng (2025)	HCQTMAYT25	1	11.600.000
334	Bộ máy tính văn phòng (2025)	HCQTMAYT25.2	1	11.600.000
335	Hệ thống Camera an ninh (2022)	QLCL-HTCMR22	1	56.028.181

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
336	Máy rửa cao áp (2025)	HCQTMAYR25	1	12.295.360
337	Màn hình LED Indoor Full Color (2024)	HCQT-MANHINH24	1	195.000.000
338	Hệ thống âm thanh ánh sáng hội trường (2024)	HCQT-HTAT24	1	123.600.000
339	Hệ thống camera (2025)	HCQTHTCM25	1	10.880.000
340	Hệ thống camera giám sát trong khuôn viên Bệnh Viện (2025)	HCQTCMR25	1	38.800.000
341	Hệ thống camera quan sát (2023)	QLCL-HTCMR23	1	18.163.200
342	Hệ thống điều hòa không khí hội trường (2024)	HCQT-HTDH24	1	1.257.750.000
343	Cáng cho xe cứu thương- xe 00657 (2023)	HCQT-BANGCA23	1	10.625.000
344	Tủ chứa xác 2 ngăn (2022)	QLCL-TUCX22	1	304.573.972
345	Cáng cho xe cứu thương (2024)	HCQT-CANG24	1	11.332.285
346	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp (2020)	VTTB-MHD20-5	1	10.890.960
347	Máy chiếu Epson (2024)	KHTH-MAYCHIEU24	1	63.000.000
348	Hệ thống cầu trực tuyến cho phòng họp (2022)	KHTH-HTTTUYEN22	1	227.629.569
349	Bộ máy tính văn phòng (2025)	PKMAYT25	1	10.800.000
350	Máy điện tim (2025)	PKMAYDT25	1	57.714.940
351	Máy đo chức năng hô hấp (2025)	PKMAYDHH25.1	1	87.500.000
352	Máy đo chức năng hô hấp (2025)	PKMAYDHH25.2	1	87.500.000
353	Máy Doppler tim thai (2021)	PKSAN-MAYDO21	1	16.065.000
354	Máy soi cổ tử cung (2021)	SAN-MSCTC21	1	81.000.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
355	Hệ thống nội soi chẩn đoán dạ dày - tá tràng, đại tràng (2020)	NSOI-HTNS20	1	666.666.666
356	Bộ máy tính văn phòng (2025)	TCKTMAYT25	1	12.400.000
357	Bộ máy tính văn phòng (2025)	VTTBMAYT25	1	12.400.000
358	Máy Scan HP Jet pro 200 S2 (2025)	VTTBMAYSC25	1	10.800.000
359	Bơm tiêm điện (2022)	VTTB-BOMTD22-1	1	17.772.106
360	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-10	1	18.488.907
361	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-2	1	18.488.907
362	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-3	1	18.488.907
363	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-4	1	18.488.907
364	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-5	1	18.488.907
365	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-6	1	18.488.907
366	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-7	1	18.488.907
367	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-8	1	18.488.907
368	Máy hút đờm (2022)	VTTB-MAYHD22-9	1	18.488.907
369	Máy tạo oxy (2020)	VTTB-MAYT20-1	1	14.264.790
370	Máy tạo oxy (2020)	VTTB-MAYT20-2	1	14.264.790
371	Máy tạo oxy (2020)	VTTB-MAYT20-3	1	14.264.790
372	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số (2022)	VTTB-MAYTD22	1	93.013.429
373	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	KHUDC-MAYTH21-3	1	58.500.000
374	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITQ-MAYTH21-4	1	58.500.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
375	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	NOITQ-MAYTH21-5	1	58.500.000
376	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-1	1	58.500.000
377	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-10	1	58.500.000
378	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-11	1	58.500.000
379	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-12	1	58.500.000
380	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-13	1	58.500.000
381	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-14	1	58.500.000
382	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-15	1	58.500.000
383	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-16	1	58.500.000
384	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-17	1	58.500.000
385	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-18	1	58.500.000
386	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-19	1	58.500.000
387	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-2	1	58.500.000
388	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-20	1	58.500.000
389	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-21	1	58.500.000

<b>STT</b>	<b>Tên tài sản cố định</b>	<b>Mã số TSCĐ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)</b>
390	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-22	1	58.500.000
391	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-23	1	58.500.000
392	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-24	1	58.500.000
393	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-25	1	58.500.000
394	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-26	1	58.500.000
395	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-27	1	58.500.000
396	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-28	1	58.500.000
397	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-3	1	58.500.000
398	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-4	1	58.500.000
399	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-5	1	58.500.000
400	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-6	1	58.500.000
401	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-7	1	58.500.000
402	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-8	1	58.500.000
403	Máy thở Oxy dòng cao HFNC (2021)	VTTB-MAYTH21-9	1	58.500.000
404	Máy thở xâm nhập Eliciae MV20 (2020)	CCUU-MTHO20-2	1	80.000.000
405	Máy thở xâm nhập Eliciae MV20 (2020)	NHIEM-MTHO20	1	80.000.000
406	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2020)	NHIEM-MAYT20	1	35.333.333
407	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2021)	NHIEM-MAYT21-1	1	47.700.000

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Số lượng	Số tiền tham gia bảo hiểm (Giá trị tài sản) (đồng)
408	Máy thở xâm nhập VFS-410 (2021)	NHIEM-MAYT21-2	1	47.700.000
409	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-1	1	16.713.972
410	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-2	1	16.713.972
411	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-4	1	16.713.972
412	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-5	1	16.713.972
413	Máy truyền dịch (2022)	VTTB-MAYT22-6	1	16.713.972
414	Hệ thống bồn dự trữ oxy lỏng (2021)	VTTB-BONOXL21	1	1.355.625.000
<b>TỔNG</b>				<b>447.428.637.107</b>

### 3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Tên Dịch vụ	Mô tả yêu cầu kỹ thuật
Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2026	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi bảo hiểm:</li> <li>+ Bồi thường bảo hiểm cho các thiệt hại bất ngờ, không lường trước được xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm từ rủi ro cháy, nổ bắt buộc ban hành kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; và nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy, và cứu nạn, cứu hộ.</li> <li>- Phạm vi địa lý: Việt Nam.</li> <li>- Luật áp dụng: Việt Nam.</li> <li>- Tổng giá trị tài sản được bảo hiểm: 447.428.637.107 đồng.</li> <li>- Địa điểm được bảo hiểm: Thuộc Bệnh viện II Lâm Đồng: tại số 263 Trần Quốc Toản, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng.</li> </ul>

	<p>- Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng.</p>
	<p>- Mức khấu trừ:</p> <p>+ Rủi ro cháy, nổ: Quy định tại khoản 1, Mục II, Phụ lục VI, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025.</p> <p>- Nguyên tắc bồi thường: Bảo hiểm 100% giá trị tổn thất và không vượt quá tổng số tiền bảo hiểm.</p> <p>+ Khi xảy ra tổn thất, bên mua bảo hiểm lập tức thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin liên lạc, sau đó trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>+ Giám định: trong vòng 24h kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu bồi thường, đơn vị bảo hiểm có trách nhiệm cử giám định hoặc chỉ định tổ chức giám định độc lập, uy tín để đánh giá và lập báo cáo các tổn thất trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày giám định. Chi phí giám định tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ do Công ty bảo hiểm chịu.</p>
	<p>- Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm:</p> <p>+ Thông báo bằng văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm;</p> <p>+ Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm;</p> <p>+ Bản sao Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm;</p> <p>+ Biên bản giám định của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền;</p> <p>+ Văn bản kết luận hoặc thông báo về nguyên nhân tổn thất của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác hoặc các bằng chứng chứng minh nguyên nhân vụ cháy nổ;</p> <p>+ Bản kê khai thiệt hại và các giấy tờ chứng minh thiệt hại;</p> <p>+ Các giấy tờ khác có liên quan.</p>

	- Thời gian bồi thường: tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
Điều khoản bổ sung	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Điều khoản chi phí dọn dẹp hiện trường sau tổn thất (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> <li>2. Điều khoản chi phí chữa cháy (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> <li>3. Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng (50% giá trị tổn thất ước tính trên cơ sở biên bản báo cáo sơ bộ giám định tổn thất của công ty giám định độc lập).</li> <li>4. Điều khoản về tự bốc cháy (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> <li>5. Điều khoản về sửa chữa tạm thời (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> <li>6. Điều khoản về phục hồi và thay thế (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> <li>7. Điều khoản về thỏa thuận giám định viên.</li> <li>8. Điều khoản loại trừ rủi ro chiến tranh, khủng bố.</li> <li>9. Điều khoản loại trừ và hạn chế cấm vận.</li> <li>10. Điều khoản loại trừ rủi ro máy tính.</li> <li>11. Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm (LMA 5394).</li> <li>12. Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn dân sự (Giới hạn 500.000.000 VNĐ/vụ tổn thất và trong suốt thời hạn bảo hiểm).</li> </ol> <p><b>(Nhà thầu được phép cho thêm các điều khoản bổ sung có lợi cho Chủ đầu tư và chào tăng mức giới hạn trách nhiệm của các điều khoản bổ sung nêu trên. Trường hợp nhà thầu chào thêm các điều khoản gây bất lợi hoặc giảm giới hạn các điều khoản theo quy định tại E-HSMT thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu).</b></p>

**\* Quy định về làm tròn số trong bảng chào phí bảo hiểm và khi đánh giá thầu:** Căn cứ nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của luật kế toán.

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác.*